**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP ĐỊA 6**

**A. Lý thuyết:**

1. Lớp vỏ khí:

\* Thành phần của không khí:

- Nitơ: 78%

- Ôxi: 21%

- Hơi nước và các khí khác: 1%

- Hơi nước tuy chiếm tỉ lệ nhỏ nhưng có vai trò quan trọng là nguồn gốc sinh ra các hiện tượng khí tượng như mây, mưa...

\* Líp vá khÝ ®­îc chia lµm 3 tÇng:

-TÇng ®èi l­u lµ tÇng gi¸p víi mÆt ®Êt, víi ®é dµy tõ 0-16 km,chiÕm 90% kh«ng khÝ cña khÝ quyÓn, 3/4 lượng hơi nước của khí quyển,kh«ng khÝ di chuyÓn theo chiÒu th¼ng ®øng, nhiÖt ®é gi¶m dÇn khi lªn cao( cứ lên cao 100m nhiệt độ giảm 0,60C), lµ n¬i sinh ra c¸c hiÖn t­îng khÝ t­îng nh­ m©y, m­a, sÊm chíp...

-TÇng b×nh l­u c¸ch mÆt ®Êt 80 km,kh«ng khÝ lo·ng,kh« vµ chuyÓn ®éng theo chiÒu ngang,líp «z«n trong tÇng nµy cã t¸c dông ng¨n c¶n tia bøc x¹ cã h¹i cho sù sèng cña sinh vËt vµ con ng­êi.

-C¸c tÇng cao cña khÝ quyÓn ë ®é cao trªn 80 km,kh«ng khÝ ë ®©y lo·ng hÇu nh­ kh«ng cã quan hÖ trùc tiÕp ®èi víi ®êi sèng sinh vËt vµ con ng­êi.

2. Thời tiết, khí hậu và nhiệt độ không khí:

- Phân biệt thời tiết, khí hậu?

- Nhiệt độ không khí( khái niệm, cách đo tính, sự thay đổi nhiệt độ không khí)

3. Khí áp và gió trên Trái Đất:

- Khí áp là sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất

- Đơn vị đo khí áp là mm thủy ngân .

- Dụng cụ để đo khí áp là áp kế

- Khí áp được phân bố trên bề mặt Trái Đất thành các đai khí áp thấp và cao từ xích đạo về cực như sau:

+ Các đai khí áp thấp nằm ở khoảng vĩ độ 00 và khoảng vĩ độ 600 Bắc và Nam .

+Các đai áp cao nằm ở khoảng vĩ độ 300 Bắc và Nam và 900 Bắc và Nam .

\* Gió là sự chuyển động của không khí từ các khu vực áp cao về các khu vực áp thấp - Tín phong (Gió mậu dịch): thổi từ 300 Bắc và Nam(đai áp cao chí tuyến) về Xích đạo(đai áp thấp Xích đạo).

+ Hướng gió: Nửa cầu Bắc: hướng Đông Bắc; Nửa cầu Nam:hướng Đông Nam.

 - Gió Tây ôn đới: thổi từ 300 Bắc và Nam (đai áp cao chí tuyến) lên 600 B và N(đai áp thấp ôn đới).

+ Hướng gió: Nửa cầu Bắc: hướng Tây Nam; Nửa cầu Nam: hướng Tây Bắc.

 - Gió Đông cực: thổi từ 900 Bắc và Nam (đai áp cao cực) về 600 Bắc và Nam (đai áp thấp ôn đới).

+ Hướng gió: Nửa cầu Bắc: hướng Đông Bắc; Nửa cầu Nam: hướng Đông Nam.

? Vẽ hình các loại gió chính và các hoàn lưu khí quyển trên Trái Đất.

4. Các đới khí hậu trên Trái Đất:

\* Các chí tuyến và vòng cực:

- Chí tuyến:Là những đường có ánh sáng mặt trời chiếu vuông góc với mặt đất vàocác ngày hạ chí và đông chí ( 23027’B là chí tuyến Bắc; 23027’ N là chí tuyến Nam )

- Vòng cực :Là những đường giới hạn khu vực có ngày và đêm dài 24giờ (66033’ Bắc là vòng cực Bắc; 66033’ Nam là vòng cực Nam )

- Các chí tuyến và vòng cực là ranh giới của các vành đai nhiệt (5 vành đai nhiệt )

+1 vành đai nóng: Chí tuyến Bắc- chí tuyến Nam.

+ 2 vành đai ôn hòa: Chí tuyến Bắc- vòng cực Bắc và chí tuyến Nam đến vòng cực Nam.

+ 2 vành đai lạnh: Vòng cực Bắc đến cực Bắc và vòng cực Nam đến cực Nam.

\* Sự phân chia bề mặt Trái đất ra các đới khí hậu theo vĩ độ:

-Tương ứng với 5 vành đai nhiệt, Trái đất cũng chia ra 5 đới khí hậu:1 nhiệt đới, 2 ôn đới và 2 hàn đới.

a. Đới nóng: (Nhiệt đới)

- Giới hạn từ chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam

- Quanh nămcó góc chiếu của ánh sáng Mặt trời lúc giữa trưa tương đối lớn và thời gian chiếu sáng trong năm chênh lệch nhau ít

- Lượng nhiệt hấp thu được tương đối nhiều nên quanh năm nóng

- Gió thổi thường xuyên: Tín phong

- Lượng mưa trung bình năm : 1000mm – trên 2000mm

5. Sông và hồ:

\* Sông và lượng nước của sông

a. Sông

- Là dòng nước chảy thường xuyên tương đối ổn định trên bề mặt lục địa

* Lưu vực sông : là vùng đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông
* Hệ thống sông gồm : sông chính, phụ lưu và chi lưu hợp lại với nhau.

b.Lượng nước của sông:

- Lưu lượng : Là lượng nước chảy qua mặt cắt ngang lòng sông ở một địa điểm nào đó trong một giây ( m3/giây )

- Mối quan hệ giữa nguồn cấp nước và chế độ chảy : nếu sông chỉ phụ thuộc vào một nguồn cấp nước thì thủy chế của nó đơn giản , còn nếu song phụ thuộc vào nhiều nguồn cấp nước khác nhau thì thủy chế của nó phức tạp .

- Chế độ chảy ( thủy chế )của sông: là nhịp điệu thay đổi lưu lượng của sông trong 1 năm

\* Hồ:

- Khái niệm: là những khoảng nước đọng tương đối rộng và sâu trong đất liền.

- Phân loại hồ :

+ Theo tính chấtcủa nước : hồ nước mặn, hồ nước ngọt.

+ Theo nguồn gốchình thành : hồ miệng núi lửa, hồ vết tích của khúc sông , hồ băng hà, hồ miệng núi lửa, hồ nhân tạo…

6. Biển và đại dương: Sự vận động của nước biển và đại dương:

\* Sóng:

- Sóng là hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương.

- Sóng được sinh ra chủ yếu là nhờ gió. Gió càng mạnh thì sóng càng lớn.Động đất ngầm dưới đáy biển sinh ra sóng thần

- Sức phá hoại sóng thần vô cùng to lớn

\* Thủy triều:

- Là hiện tượng nước biển có lúc dâng lên, lấn sâu vào đất liền, có lúc lại rút xuống, lùi tít ra xa.

- Nguyên nhân sinh ra thủy triều là do sức hút của Mặt Trăng và Mặt Trời.

- Có 3 loại thủy triều: Bán nhật triều.

+ Nhật triều. Triều không đều.

- Việt Nam có đủ cả 3 loại thủy triều trên

\* Các dòng biển:

- Là sự chuyển động của nước biển trên mặt, tạo thành các dòng chảy trong các biển và đại dương .

- Nguyên nhân sinh ra dòng biển là do các loại gió thổi thường xuyên ở Trái Đất như gió Tín Phong ,Tây ôn đới

- Có 2 loại dòng biển: Dòng biển nóng và dòng biển lạnh.

B. Bài tập:

- Tính nhiệt độ trung bình năm tại một địa phương.

- Tính lượng mưa trong năm tại một địa phương.

- Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.